

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không  
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 47

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

**THÔNG TIN CHUNG**

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61311118/19445923-HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 5 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



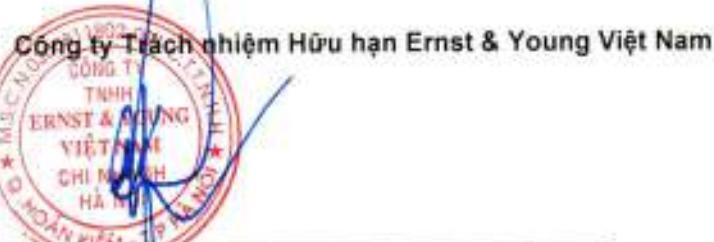
Building a better  
working world

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được soát xét.



Phạm Công Khanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

## BẢNG CĂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>145.754.168.504</b>	<b>189.314.816.770</b>
110	<i>I. Tiền</i>	4	<b>41.651.650.808</b>	<b>41.414.286.153</b>
111	1. Tiền		41.651.650.808	41.414.286.153
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<b>62.812.205.213</b>	<b>124.666.682.266</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	8.861.645.658	4.628.021.648
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	35.349.208.243	29.137.873.011
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.601.351.312	90.900.787.607
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	7	<b>36.275.335.014</b>	<b>20.929.083.181</b>
141	1. Hàng tồn kho		36.275.335.014	20.929.083.181
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	8	<b>5.014.977.469</b>	<b>2.304.765.170</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.340.603.590	2.167.946.501
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.674.373.879	77.472.622
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	59.346.047
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>223.254.402.777</b>	<b>178.689.907.363</b>
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		<b>93.886.076.410</b>	<b>75.376.139.740</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	93.886.076.410	75.376.139.740
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		<b>120.818.479.771</b>	<b>97.194.642.180</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá	9	112.481.579.613	88.785.197.675
222	Giá trị khấu hao lũy kế		132.965.653.113	103.437.151.557
223	(20.484.073.500)		(20.484.073.500)	(14.651.953.882)
227	2. Tài sản cố định vô hình Nguyên giá	10	8.336.900.158	8.409.444.505
228	Giá trị khấu hao lũy kế		8.606.816.588	8.606.816.588
229	(269.916.430)		(269.916.430)	(197.372.083)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		<b>620.456.618</b>	<b>751.601.271</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		620.456.618	751.601.271
260	<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>	8	<b>7.929.389.978</b>	<b>5.367.524.172</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.929.389.978	5.365.024.172
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	2.500.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>369.008.571.281</b>	<b>368.004.724.133</b>

 CÔNG TY  
TẬP ĐOÀN  
TẾT HÀ NỘI  
VĨNH HƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>			
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	42.962.867.995	21.571.129.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.264.296.321	2.733.676.735
313	3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	12	13.189.867.383	8.597.367.178
314	4. Phải trả người lao động		10.749.705.761	15.477.394.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	3.333.099.935	1.772.895.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	6.179.292.281	3.754.659.287
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.800.177.483	43.668.727.390
320	8. Vay ngắn hạn	16	48.542.334.443	32.988.186.753
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		652.308.128	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		938.945	868.938.945
330	<i>II. Nợ dài hạn</i>		<b>37.357.100.000</b>	<b>34.829.200.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác			375.000.000
338	2. Vay dài hạn	16	37.357.100.000	34.454.200.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>196.976.582.606</b>	<b>201.742.547.995</b>
410	<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	17.1	<b>196.976.582.606</b>	<b>201.742.547.995</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành:		160.480.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.480.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.955.713.714	41.438.712.534
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		26.678.795.858	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.276.917.856	41.339.768.255
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	540.868.892	(176.164.539)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>369.008.571.281</b>	<b>368.004.724.133</b>

Trịnh Tô Giang  
 Người lập

Lê Đức Tuấn  
 Phó phòng kế toán



Lê Anh Quốc  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ**  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	299.194.116.151	116.498.131.629
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	299.194.116.151	116.498.131.629
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(139.668.835.725)	(54.056.780.860)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.525.280.426	62.441.350.769
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	16.825.364.234	1.199.696.992
22	7. Chi phí tài chính	21	(3.272.913.854)	(655.382.671)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.189.377.706)	(654.869.566)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(53.384.818.748)	(32.257.495.230)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(27.584.646.318)	(19.464.386.845)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.108.265.740	11.263.783.015
31	11. Thu nhập khác	23	1.552.043.422	370.492.571
32	12. Chi phí khác	23	(63.756.959)	(132.703.329)
40	13. Lợi nhuận khác	23	1.488.286.463	237.789.242
50	14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		93.596.552.203	11.501.572.257
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(15.441.353.546)	(2.402.049.498)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.1	78.155.198.657	9.099.522.759
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	17.1	77.897.768.833	9.093.651.633
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	18	257.429.824	5.871.126
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	4.731	2.285
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	4.731	2.285

Trịnh Tổ Giang  
 Người lập

Lê Đức Tuấn  
 Phó phòng kế toán



Lê Anh Quốc  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TẾ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO**  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TẾ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		93.596.552.203	11.501.572.257
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khảo hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		6.519.562.116	2.566.677.488
03	Các khoản dự phòng		652.308.128	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.552.424.109)	(1.130.165.111)
06	Chi phí lãi vay	21	3.189.377.706	654.869.566
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.405.376.044	13.592.954.200
09	Tăng các khoản phải thu		(21.819.623.910)	(18.473.096.715)
10	Tăng hàng tồn kho		(15.346.251.833)	(1.876.294.074)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(21.286.214.822)	893.606.094
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.737.022.895)	2.192.461.490
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.913.810.956)	(654.869.566)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(10.288.852.802)	(1.633.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(868.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		10.145.598.826	(5.958.238.571)
	<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TẾ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(30.009.755.054)	(3.540.276.909)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.136.363.635	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(35.500.000.000)	(3.650.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		99.141.713.251	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	5.627.687.578
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.400.956.307	1.130.165.111
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động đầu tư		51.169.278.139	(432.424.220)

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		500.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		87.466.522.715	20.785.196.226
34	Tiền trả nợ gốc vay		(69.009.475.025)	(12.134.422.056)
36	Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.034.560.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(61.077.512.310)	11.426.873.070
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		237.364.655	5.036.210.279
60	Tiền đầu kỳ		41.414.286.153	836.087.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	41.651.650.808	5.872.297.646

Trịnh Tổ Giang  
 Người lập

Lê Đức Tuấn  
 Phó phòng kế toán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 986 (31 tháng 12 năm 2016: 668).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 3 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)		Trụ sở chính	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)			
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn")	55%	55%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hang và các sản phẩm lưu niêm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hang, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tinh hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho nguyên vật liệu, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên dì thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

#### 3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	1 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm hoặc theo thời hạn thuê vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ và dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa; và
- ▶ Các chi phí khác.

#### 3.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Trường hợp BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát phát sinh cho từng bên liên doanh sẽ do từng bên ghi nhận. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

Các khoản mục dưới đây được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- ▶ Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- ▶ Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- ▶ Chi phí phải gánh chịu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

#### 3.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (tiếp theo)

*Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế*

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế được đồng kiểm soát BCC:

Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ, cụ thể:

- ▶ Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC; và
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của Tập đoàn được hưởng.

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Tập đoàn kiểm soát BCC, Tập đoàn sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Nếu Tập đoàn không kiểm soát BCC, Tập đoàn ghi nhận phần lợi nhuận mà Tập đoàn được chia từ BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phi hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phi hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phi hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

*Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung*

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được hạch toán như sau:

- ▶ Tài sản và nghĩa vụ nợ của hai đơn vị hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Lợi thế thương mại không được ghi nhận từ việc hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh các kết quả của các đơn vị được hợp nhất từ ngày hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa phí hợp nhất kinh doanh đã trả và giá trị tài sản thuần của "công ty bị mua" được ghi nhận vào "Vốn khác của chủ sở hữu" trong vốn chủ sở hữu.

#### 3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ) tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ) tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bao đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh sau:

- ▶ Hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ trong nhà ga và cảng hàng không; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty trình bày thông tin theo bộ phận tại Thuyết minh số 29.

### 4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	7.946.129.029	5.420.804.831
Tiền gửi ngân hàng	33.353.366.289	35.924.364.072
Tiền đang chuyển	352.155.490	69.117.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.651.650.808</b>	<b>41.414.286.153</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	8.020.689.854	4.497.109.514	
- Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	1.553.857.500	520.824.540	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời đại	1.570.519.479	-	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.896.312.875	3.976.284.974	
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	840.955.804	130.912.134	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.861.645.658</b>	<b>4.628.021.648</b>	

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	5.369.164.227	1.056.488.995	
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	29.980.044.016	28.081.384.016	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.349.208.243</b>	<b>29.137.873.011</b>	

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	-	78.641.713.251	-
Tạm ứng cho nhân viên	10.547.506.173	-	7.566.286.871	-
Phải thu khác	8.053.845.139	-	4.692.787.485	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.601.351.312</b>	<b>-</b>	<b>90.900.787.607</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	90.220.439.740	-	75.220.439.740	-
Phải thu khác	3.665.636.670	-	155.700.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.886.076.410</b>	<b>-</b>	<b>75.376.139.740</b>	<b>-</b>
Trong đó:				
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	90.321.399.740	-	159.574.392.158	-
Phải thu khác	22.166.027.982	-	6.702.535.189	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(\*) Đây là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Taseco Thăng Long - công ty mẹ cấp 1, vào các dự án:

- ▶ Dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016, Taseco Oceanview Đà Nẵng và Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất A1.1 thuộc Lô A1.1 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Trong kỳ, lô đất A1.1 đã được chuyển nhượng và các bên tạm xác định lợi nhuận từ việc hợp tác này, theo đó, Công ty đã được hoàn khoản hợp tác đầu tư và ghi nhận thu nhập từ việc hợp tác này với số tiền là 15,8 tỷ VND (Thuyết minh số 19.2); và
- ▶ Hạ Long – Quảng Ninh: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016, Công ty và Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng, Công ty sẽ góp 40% tổng vốn đối ứng và sẽ được chia kết quả kinh doanh (lợi nhuận sau thuế) theo tỷ lệ vốn thực góp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 90,2 tỷ VND.

## 7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	36.124.837.031	-	18.844.652.510	-
Nguyên liệu	3.107.239	-	1.643.653.048	-
Hàng đang đi trên đường	-	-	249.573.203	-
Công cụ, dụng cụ	147.390.744	-	191.204.420	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.275.335.014</b>	-	<b>20.929.083.181</b>	-

Hàng tồn kho của Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn được trình bày trong Thuyết minh số 16.

## 8. CHI PHÍ TRÁ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	842.038.158	527.921.967
Chi phí sửa chữa	277.878.077	520.786.361
Chi phí thuê mặt bằng	550.626.225	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.670.061.130	1.119.238.173
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.340.603.590</b>	<b>2.167.946.501</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	4.464.774.988	3.645.885.860
Chi phí sửa chữa	1.353.988.788	1.189.952.508
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.110.626.202	529.185.804
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.929.389.978</b>	<b>5.365.024.172</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco Nội Bài]  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (kiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sâu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phuong tiện vận tải	Tổng cộng	Đơn vị tính: VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	64.386.472.034	16.411.846.597	879.449.221	21.759.383.705	103.437.151.557	
Mua trong kỳ	14.017.021.225	1.715.064.665	140.138.000	14.271.175.817	30.143.399.707	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	78.403.493.259	18.126.911.262	1.019.587.221	35.415.661.371	132.965.653.113	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết:	813.506.743	-	-	-	-	813.506.743
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.962.224.857	4.513.391.178	216.157.570	3.960.180.277	14.651.953.882	
Khấu hao trong kỳ	2.306.243.218	1.622.476.783	56.424.527	2.461.873.241	6.447.017.769	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	8.268.468.075	6.135.867.961	272.582.097	5.807.155.367	20.484.073.500	
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	58.424.247.177	11.898.455.419	663.291.651	17.799.203.428	88.785.197.675	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	70.135.025.184	11.991.043.301	747.005.124	29.608.506.004	112.481.579.613	
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	49.221.985.378	7.001.033.846	-	17.259.486.572	73.482.505.796	

(\*) Một số tài sản đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	180.474.079	16.898.004	197.372.083
Hao mòn trong kỳ	-	64.095.345	8.449.002	72.544.347
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	244.569.424	25.347.006	269.916.430
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	492.420.921	50.693.996	8.409.444.505
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	7.866.329.588	428.325.576	42.244.994	8.336.900.158
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	7.866.329.588	-	-	7.866.329.588

(\*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

**11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Giá trị	
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Châu Thành	4.249.124.473	4.249.124.473	2.297.502.703
Phải trả cho người bán khác	38.478.504.213	38.478.504.213	19.273.626.599
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	235.239.309	235.239.309	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.962.867.995</b>	<b>42.962.867.995</b>	<b>21.571.129.302</b>
			<b>21.571.129.302</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	1.734.090.405	13.479.743.946	(13.960.983.369)	1.252.850.982
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.063.407	750.174.931	(749.773.733)	123.464.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.379.443.527	15.441.353.546	(10.288.852.802)	11.531.944.271
Thuế thu nhập cá nhân	353.922.142	1.028.367.615	(1.102.138.073)	280.151.684
Các loại thuế khác	6.847.697	38.900.083	(44.291.939)	1.455.841
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.597.367.178</b>	<b>30.738.540.121</b>	<b>(26.146.039.916)</b>	<b>13.189.867.383</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí tháng lương thứ 13	1.300.409.017	-
Chi phí sửa chữa	-	381.855.000
Chi phí ăn ca	464.007.000	322.222.500
Chi phí phải trả khác	1.568.683.918	1.068.818.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.333.099.935</b>	<b>1.772.895.893</b>

**14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÂN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	6.179.292.281	3.754.659.287
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.179.292.281</b>	<b>3.754.659.287</b>

**15. PHẢI TRÀ NGÂN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.572.540.610	2.237.502.825
Phải trả bảo hiểm	237.554.727	931.529.785
Nhân đặt cọc ngắn hạn	268.000.000	204.000.000
Phải trả nhân viên	-	171.656.887
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	96.354.166	39.191.289.901
Các khoản phải trả khác	3.625.727.980	932.747.992
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.800.177.483</b>	<b>43.668.727.390</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco Nội Bài]  
 THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (niệp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 16. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong Kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng	26.915.786.753	26.915.786.753	69.070.122.715	(60.087.175.025)	35.898.734.443	35.898.734.443
Vay dài hạn đến hạn trả	6.072.400.000	6.072.400.000	6.493.500.000	(3.422.300.000)	9.143.600.000	9.143.600.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	9.000.000.000	(5.500.000.000)	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.988.186.753</b>	<b>32.988.186.753</b>	<b>84.563.622.715</b>	<b>(69.009.475.025)</b>	<b>48.542.334.443</b>	<b>48.542.334.443</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay ngân hàng	34.454.200.000	34.454.200.000	9.396.400.000	(6.493.500.000)	37.357.100.000	37.357.100.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.454.200.000</b>	<b>34.454.200.000</b>	<b>9.396.400.000</b>	<b>(6.493.500.000)</b>	<b>37.357.100.000</b>	<b>37.357.100.000</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco Nội Bài]  
 THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	01/2016/798 0289/HĐTD	10.300.286.380	Từ 29 tháng 8 năm 2017 đến 26 tháng 10 năm 2017	Lãi suất trong kỳ là 8,5% một số cổ đông của Taseco Tháng Long có giá trị 135,75 tỷ VNĐ	Cổ phiếu Taseco Tháng Long thuộc sở hữu của Có phiếu Taseco Tháng Long thuộc sở hữu của 8,5% một số cổ đông của Taseco Tháng Long có giá trị 135,75 tỷ VNĐ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	21/2017/H ĐTDHM/N HCT145-TASECO	5.606.615.742	Từ 20 tháng 10 năm 2017 đến 29 tháng 11 năm 2017	Lãi suất trong kỳ là 7,5% bảo	Vay theo hình thức tín chấp, không cần tài sản đảm + Hợp đồng thuê chung quyền sử dụng đất và tài sản định theo từng giao kèo với số 01/2015-HĐTC/NHCT480- TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Tháng Long.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	01/2016- HDTDHM/ NHCT480- TASECOĐ N	19.991.832.321	Từ 30 tháng 8 năm 2016 đến 25 tháng 8 năm 2017	Lãi suất cho vay xác định theo từng khoản nợ và điều chỉnh lãi vào ngày 25 hàng tháng giao kèo với số 02/2015-HĐTC/NHCT480- TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ông Đoàn Trung Hiếu + Hợp đồng thuê chung quyền sử dụng đất và tài sản định theo từng giao kèo với số 03/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng + Hợp đồng thuê chung quyền đổi nợ luân chuyển số 04/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng	+ Hợp đồng thuê chung quyền sử dụng đất và tài sản định theo từng giao kèo với số 01/2015-HĐTC/NHCT480- TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Tháng Long. + Hợp đồng thuê chung quyền sử dụng đất và tài sản định theo từng giao kèo với số 02/2015-HĐTC/NHCT480- TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ông Đoàn Trung Hiếu + Hợp đồng thuê chung quyền sử dụng đất và tài sản định theo từng giao kèo với số 03/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng + Hợp đồng thuê chung quyền đổi nợ luân chuyển số 04/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng

35.898.734.443

TỔNG CỘNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco Nội Bài]  
 THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NHIỀU ĐƠN (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngắn hạn dài hạn

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thành Long	76/2016-HDTDDA/NH CT145-TASECO	1.989.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong kỳ là 8,4%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2.98 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-583.19 với giá trị còn lại 929.721.592 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-584.83 với giá trị còn lại 929.721.592 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-584.59 với giá trị còn lại 929.721.592 VND
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		798.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2,29 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-747.66 với giá trị còn lại 1.193.518.600 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-747.91 với giá trị còn lại 1.193.518.600 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thành Long	36/2017-HDTDDA/NH CT145-TASECO	1.838.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 748.369.741 VND
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		612.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 748.369.741 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thành Long	38/2017-HDTDDA/NH CT145-TASECO	2.576.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 748.369.741 VND
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		858.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sau tháng Kết thúc cùng ngày

**16. VAY (tiếp theo)**

**16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)**

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	14/2017/HDTD DDA/NHCT145-TASECO	3.898.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,7% ký là 8,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 5,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biển kiểm soát 30E-718.86 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biển kiểm soát 30E-720.45 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biển kiểm soát 30E-721.14 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biển kiểm soát 30E-721.97 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biển kiểm soát 30E-721.39 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		1.416.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong kỳ là 10% ký là 10%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 3,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 837.029.728 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 837.029.728 VND + Xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 930.184.171 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	26/2016/HDTD NHCT145-TASECONB	2.171.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong kỳ là 10% ký là 10%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 3,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 837.029.728 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 837.029.728 VND + Xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 930.184.171 VND
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		554.400.000	Lãi và gốc được trả 3 tháng 1 lần. Gốc vay đáo hạn tháng 4 năm 2018	Lãi suất trong kỳ là 10,3% ký là 10,3%	Hợp đồng thẻ chấp tài sản số 05/2015/HĐTC/NHCT480-TASECODN: Tài sản thẻ chấp là thừa đất số 133 có giá trị: 2,35 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	02/2015-HOTDDANHCT480-TASECODN	1.120.000.000	320.000.000		

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]  
 THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

**16. VAY** (tiếp theo)

**16.2 Các khoản vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)**

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lai	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	260/2015/VNC B - KHDN	32.190.000.000	108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo tung hợp dòng tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2017 là 9,3%/năm.	Quyền vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào Taseco Oceanview Đà Nẵng. Tài sản hình thành từ vốn vay công trình xây dựng gồm tầng hầm, tầng 1, 2, 22, 23 của Khách Sạn Oceanview Đà Nẵng
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		4.440.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ký Đồng	0195/KHBL/T 7TH	717.900.000	Trả gốc và lãi vay trả dần vào ngày 26 hàng tháng	Lãi suất trong kỳ là 7,7% /lai 1.182.990.910 VND	Xe ô tô biển kiểm soát 51F-473.48 với giá trị còn
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		145.200.000			
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>46.500.700.000</b>			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả		9.143.600.000			
Vay dài hạn		37.357.100.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	<i>Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	98.944.279	-	-	27.225.221.379
- Tăng vốn	27.126.277.100	-	-	22.853.722.900
- Lợi nhuận trong kỳ	22.853.722.900	-	-	9.099.522.759
- Tăng lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	9.093.651.633	5.871.126	25.836.393
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	49.980.000.000	9.192.595.912	31.707.519	59.204.303.431
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995
- Tăng vốn	-	-	500.000.000	500.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	77.897.768.833	257.429.824	78.155.198.657
- Cổ tức công bố (*)	-	(80.240.000.000)	(34.560.000)	(80.274.560.000)
- Giám khác	-	(3.140.767.653)	(5.836.394)	(3.146.604.047)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	160.480.000.000	35.955.713.714	540.868.892	196.976.582.606

- (\*) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và tạm ứng cổ tức bằng tiền Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80 tỷ VND.

Theo Biên bản số 04/2017/ĐHĐCĐ-BB của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017 và theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2017, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.080.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Việc phát hành thêm được thực hiện trong tháng 7 năm 2017.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Taseco Thắng Long	160.450.000.000	160.450.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-	
Bà Trần Thị Loan	15.000.000	15.000.000	-	15.000.000	15.000.000	-	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	15.000.000	15.000.000	-	15.000.000	15.000.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.480.000.000</b>	<b>160.480.000.000</b>	<b>-</b>	<b>160.480.000.000</b>	<b>160.480.000.000</b>	<b>-</b>	

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	Số đầu kỳ	Vốn góp tăng trong kỳ	Trong đó:
<i>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</i>		<b>160.480.000.000</b>	<b>49.980.000.000</b>	
Số đầu kỳ		160.480.000.000	27.126.277.100	
Vốn góp tăng trong kỳ		-	22.853.722.900	
Trong đó:				
<i>Bằng tiền mặt</i>		-	2.776.098.900	
<i>Bằng các loại chi phí</i>		-	97.624.000	
<i>Bằng các khoản đầu tư vào công ty con</i>		-	19.980.000.000	
Số cuối kỳ		<b>160.480.000.000</b>	<b>49.980.000.000</b>	
<i>Cổ tức đã chia</i>		(80.000.000.000)	-	

**17.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
<i>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</i>	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu đang lưu hành</i>	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 18. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Taseco Đà Nẵng	Taseco Sài Gòn	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng cộng
<i>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>			
Vốn đã góp	20.000.000	500.000.000	520.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.990.734	5.438.158	55.428.892
Cổ tức đã chia lũy kế	(34.560.000)	-	(34.560.000)
	<b>35.430.734</b>	<b>505.438.158</b>	<b>540.868.892</b>
<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>			
Phản lợi nhuận sau khi mua cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	24.220.767	233.209.057	257.429.824
	<b>24.220.767</b>	<b>233.209.057</b>	<b>257.429.824</b>

#### 19. DOANH THU

##### 19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>299.194.116.151</b>	<b>116.498.131.629</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	177.185.975.318	79.663.730.065
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.008.140.833	36.834.401.564
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>299.194.116.151</b>	<b>116.498.131.629</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng	177.185.975.318	79.663.730.065
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	122.008.140.833	36.834.401.564
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan	164.273.546	703.088.204
Doanh thu đối với bên khác	299.029.842.605	115.795.043.425

##### 19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	532.433.557	1.130.165.111
Lãi chênh lệch tỷ giá	406.912.852	69.531.881
Lợi nhuận được chia (*)	15.883.626.917	-
Chiết khấu thanh toán	2.390.908	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.825.364.234</b>	<b>1.199.696.992</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính (tiếp theo)

(\*) Đây là khoản thu nhập ghi nhận từ việc hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Taseco Thăng Long - công ty mẹ cấp 1, vào dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 6).

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.442.349.030	35.752.487.645
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.226.486.695	18.304.293.215
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>139.668.835.725</b>	<b>54.056.780.860</b>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí lãi vay	3.189.377.706	654.869.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.536.148	431.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	81.428
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.272.913.854</b>	<b>655.382.671</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>			
Chi phí nhân công	22.345.114.947	14.733.616.828	
Chi phí thuê kho, mặt bằng	13.588.969.886	7.212.636.362	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.431.866.705	6.105.636.138	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.262.521.059	2.932.769.986	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.340.320.880	992.127.084	
Chi phí khác	1.416.025.271	280.708.833	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.384.818.748</b>	<b>32.257.495.230</b>	
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
Chi phí nhân công	15.981.731.939	7.059.341.464	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.793.206.873	6.236.992.352	
Chi phí nhượng quyền kinh doanh	-	4.500.000.000	
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.063.388.468	710.863.581	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	483.460.222	360.418.807	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	699.220.469	246.833.298	
Chi phí khác	3.563.638.347	349.937.343	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.584.646.318</b>	<b>19.464.386.845</b>	

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>			
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.136.363.635	-	
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	151.500.423	261.290.735	
Khác	264.179.364	109.201.836	
<b>Chi phí khác</b>			
Tiền nộp phạt	21.388.280	-	
Lỗ từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	93.921.905	
Chi phí khác	42.368.679	38.781.424	
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>63.756.959</b>	<b>132.703.329</b>	
	<b>1.488.286.463</b>	<b>237.789.242</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu	94.423.724.757	50.250.798.198
Chi phí nhân công	52.747.512.111	26.491.266.868
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.519.562.116	2.691.402.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.123.523.270	25.857.567.692
Chi phí khác	1.823.978.537	487.627.767
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>220.638.300.791</b>	<b>105.778.662.935</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.441.353.546	2.402.049.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.441.353.546</b>	<b>2.402.049.498</b>

[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

## 25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kê toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	93.596.552.203	11.501.572.257
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	18.719.310.441	2.300.314.452
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	101.735.046
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(3.176.725.385)	-
Lỗ năm trước mang sang	(101.231.510)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>15.441.353.546</b>	<b>2.402.049.498</b>

## 25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kê toán.

## 25.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kê toán giữa niên độ, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 506.157.552 VND đã sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong kỳ. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2017	Đơn vị tính: VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2017
2016 (*)	2021	506.157.552	(506.157.552)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>506.157.552</b>	<b>(506.157.552)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính của Taseco Sài Gòn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	15.956.364	27.835.465
Ông Nguyễn Minh Hải	Cổ đông	Góp vốn	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng Mua hàng hóa Phi dịch vụ	- - -	3.375.000 1.047.273 47.440.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Taseco Thắng Long	Công ty mẹ cấp 1	Cho vay	44.500.000.000	11.650.000.000
		Thu hồi cho vay	44.500.000.000	8.000.000.000
		Doanh thu từ lãi vay	473.062.501	1.122.538.670
		Đi vay	9.000.000.000	-
		Trả tiền gốc vay	5.500.000.000	-
		Chi phí lãi vay	96.354.166	-
		Thu nhập hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	1.296.000.000	1.008.000.000
		Thuê căn hộ	19.601.340.000	-
		Trả tiền góp vốn và lãi	94.525.340.168	-
		Doanh thu thuê vị trí quảng cáo	-	3.036.533.189
		Góp vốn	-	24.282.500.587
		Cổ tức đã chia	80.000.000.000	-
		Thanh toán lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối của Taseco Đà Nẵng và Oceanview Đà Nẵng	39.191.289.901	-
		Phải trả liên quan đến giao dịch góp vốn bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng	-	5.830.557.011
		Chi hộ tiền thuế cho căn hộ Oceanview	2.523.700.000	-
		Nhận tiền nộp thuế cho căn hộ Oceanview	2.523.700.000	-
		Góp vốn hợp tác đầu tư	15.000.000.000	-
		Phi thuê mặt bằng, dịch vụ hợp tác kinh doanh	1.430.512.663	-
		Phi tư vấn và nhượng quyền kinh doanh	-	7.500.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.564.455	587.838.103
		Khác	152.420.545	336.708.820
Công Ty Cổ Phản Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.752.727	-
		Chi phí thuê mặt bằng	19.855.488	-
		Chuyển tiền đặt cọc thuê mặt bằng	87.960.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con bán hàng/cho thuê cho các bên liên quan theo mức giá bán/thuê niêm yết thông thường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kê toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng	Đơn vị tính: VND
			6 năm 2017	Ngày 31 tháng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	26.019.000	4.245.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Công ty cổ phần Thương Mai và Phát triển Đô thị Quốc tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	14.450.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	256.873.000	-
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Cung cấp dịch vụ	543.613.804	19.060.000
			<b>840.955.804</b>	<b>130.912.134</b>

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)

Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Trả trước tiền thuê căn hộ	29.980.044.016	28.081.384.016
			<b>29.980.044.016</b>	<b>28.081.384.016</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND			
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
<b>Phái thu khác (Thuyết minh số 6)</b>						
<b>Ngắn hạn</b>						
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Đặt cọc tiền tham gia dự thầu mặt bằng cảng Phú Quốc	13.000.000	-		
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	- 78.641.713.251			
		Chi hộ trả hộ	- 220.063.636			
Các cá nhân liên quan khác	Cá nhân liên quan	Tạm ứng	- 5.492.175.531			
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Đặt cọc	87.960.000	-		
			<b>100.960.000</b>	<b>84.353.952.418</b>		
<b>Dài hạn</b>						
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	90.220.439.740	75.220.439.740		
			<b>90.220.439.740</b>	<b>75.220.439.740</b>		
<b>Phái trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</b>						
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi phí thuê mặt bằng	19.855.488	-		
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Chi phí thuê quầy và nhượng quyền	215.383.821	-		
			<b>235.239.309</b>	<b>-</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)</b>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Phải trả về nhận vốn góp công ty con – Taseco Đà Nẵng	-	5.830.557.011
		Phải trả về nhận vốn góp công ty con – Taseco Oceanview Đà Nẵng	-	33.360.732.890
		Chi phí lãi vay	96.354.166	-
			<b>96.354.166</b>	<b>39.191.289.901</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</b>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Vay tín chấp	3.500.000.000	-
			<b>3.500.000.000</b>	<b>-</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Đơn vị tính: VND	
			Chỗ	Đỗ
Lương và thưởng	633.230.000	731.560.000		
Thu nhập khác	46.210.000	65.520.000		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>679.440.000</b>	<b>797.080.000</b>		

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU** (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND
<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	77.897.768.833
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-
Phải trả cho bên hợp tác kinh doanh	<u>(1.972.540.610)</u>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>75.925.228.223</b>
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.048.000
<b>Ảnh hưởng suy giảm</b>	<b>3.795.030</b>
<b>Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>16.048.000</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.731
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.731

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị năm 2017 của Công ty và Taseco Đà Nẵng.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2017 chưa được điều chỉnh cho khoản quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của kỳ này. Tuy nhiên, lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh cho khoản phải trả cho bên hợp tác kinh doanh theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với đối tác.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng không bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không.

Bộ phận kinh doanh nhà hàng, khách sạn kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Kinh doanh dịch vụ hàng không	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	203.280.671.112	95.913.445.039	-	299.194.116.151
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	188.164.392	188.332.502	(376.496.894)	-
Tổng doanh thu	203.468.835.504	98.101.777.541	-	299.570.613.045
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	111.032.276.633	46.089.715.570	(63.525.440.000)	93.596.552.203
Lợi nhuận thuần trước thuế	111.032.276.633	46.089.715.570	-	157.121.992.203
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.400.135.817)	(6.041.217.729)	-	(15.441.353.546)
Lợi nhuận thuần sau thuế	101.632.140.816	40.048.497.841	(63.525.440.000)	78.155.198.657
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	392.606.287.311	169.650.629.555	(193.246.345.585)	369.008.571.281
Tổng tài sản	392.606.287.311	169.650.629.555	-	562.256.916.866
Công nợ bộ phận	184.140.072.915	50.660.261.345	(62.768.345.585)	172.031.988.675
Tổng công nợ	184.140.072.915	50.660.261.345	-	234.800.334.260
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	30.143.399.707	-	-	15.225.954.159
Khấu hao	3.906.645.860	2.612.916.256	-	6.519.562.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh* (tiếp theo)

	Kinh doanh dịch vụ hàng không	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Loại trừ	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	116.498.131.629	-	-	116.498.131.629	
Tổng doanh thu	116.498.131.629	-	-	116.498.131.629	
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	11.501.572.257	-	-	11.501.572.257	
Lợi nhuận thuần trước thuế	11.501.572.257	-	-	11.501.572.257	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.402.049.498)	-	-	(2.402.049.498)	
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	9.099.522.759	-	-	9.099.522.759	
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	119.352.065.713	-	-	119.352.065.713	
Tổng tài sản	119.352.065.713	-	-	119.352.065.713	
Công nợ bộ phận	60.147.762.281	-	-	60.147.762.281	
Tổng công nợ	60.147.762.281	-	-	60.147.762.281	
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí hình thành tài sản cố định					
Tài sản cố định hữu hình	4.560.229.930	-	-	4.560.229.930	
Khấu hao	2.566.677.488	-	-	2.566.677.488	

**29. CÁC CAM KẾT**

*Thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 8 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2018;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn với Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 11 tháng 1 năm 2020;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 10 tháng 4 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng thuê các phòng khách sạn thuộc Khách sạn À La Carte Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 1 tháng 10 năm 2017; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Đến 1 năm	22.886.146.680
Trên 1 – 5 năm	26.036.790.339
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.922.937.019</b>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
	21.211.268.040
	27.318.284.251
	<b>48.529.552.291</b>

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2017/BB-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo Biên bản số 04/2017/BB-ĐHĐCDĐ của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017 (Thuyết minh số 18). Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân bổ không mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 06B/2017/BB-HĐQT-TASAIRS ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT-TASAIRS ngày 27 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc mua 6.000.000 cổ phần, tương đương 40% cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam. Việc chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất trong tháng 7 năm 2017. Theo đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày mua trong tháng 7.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo đó, tổng vốn điều lệ của Công ty là 360 tỷ VND.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

  
Trịnh Tổ Giang  
Người lập

  
Lê Đức Tuấn  
Phó phòng kế toán



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017